

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **114/2025/HS-PT**

Ngày 26/8/2025

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phùng Anh Dũng**.

Các Thẩm phán: Ông **Đặng Kim Nhân** và ông **Trần Đức Kiên**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lương Quang Toàn** - Thư ký Tòa phúc thẩm
Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Chiến** - Kiểm sát viên.

Vào ngày 26 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 306/2025/TLPT-HS ngày 25 tháng 6 năm 2025 đối với bị cáo **Nguyễn Thị Hoài T** về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; do có kháng cáo của người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2025/HSST ngày 14/5/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam (nay là Tòa án nhân dân Tp. Đà Nẵng).

- Bị cáo bị kháng cáo: **Nguyễn Thị Hoài T**, sinh ngày 01/02/1986, tại tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: **số G N, phường H, quận L, Tp . (nay là phường H, Tp .)**; nghề nghiệp: lao động phổ thông; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 11/12; con ông **Nguyễn L**, sinh năm 1964 và bà **Nguyễn Thị A**, sinh năm 1965; có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 07/8/2023 bị Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn xử phạt 03 năm tù về tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản" theo Bản án số 61/2023/HSST (bị cáo đã chấp hành xong hình phạt của bản án); bị bắt tạm giam ngày 28/02/2025, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư **Hồ Văn S - Văn phòng L1**, thuộc **Đoàn Luật sư tỉnh Q**, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại có kháng cáo: Bà **Võ Thị X**, sinh năm 1977. Địa chỉ: **khối phố C, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam (nay là phường Đ, Tp .)** có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có liên quan đến kháng cáo:

+ Bà **Đặng Thị D**, sinh năm 1954. Địa chỉ: **khôi phố Quảng Lăng B, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam (nay là phường Đ, Tp .), vắng mặt.**

+ Ông **Nguyễn Kim V**, sinh năm 1990. Địa chỉ: **khôi phố Quảng Lăng B, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam (nay là phường Đ, Tp .), vắng mặt.**

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Hoài T không làm trong cơ quan nhà nước liên quan đến lĩnh vực đất đai, không được cơ quan có thẩm quyền cấp phép hành nghề dịch vụ nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và chuyển đổi mục đích sử dụng đất nhưng vẫn đưa thông tin mình có khả năng làm được thủ tục xin giao đất và chuyển mục đích sử dụng đất, để ông **Nguyễn P** và bà **Võ Thị X** tin tưởng giao số tiền 3.910.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền của các bị hại, **T** không thực hiện được theo văn bản thỏa thuận, không liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nộp hồ sơ xin cấp GCN quyền sử dụng đất và chuyển đổi mục đích sang đất ở đối với các thửa đất trên để chiếm đoạt tiền của các bị hại. Cụ thể như sau:

- **Vụ thứ nhất:** Hộ ông **Nguyễn T1** (đã chết) có một thửa đất có diện tích 700 m² (thửa số 81, tờ bản đồ số 7 tại **Tổ A, thôn T, xã C, Tp ., tỉnh Quảng Nam**); mục đích sử dụng: đất trồng cây hằng năm khác. Qua giới thiệu của mọi người, **Nguyễn P** (là con trai của **Nguyễn T1**) biết **Nguyễn Thị Hoài T** làm dịch vụ xin giao đất và chuyển mục đích sử dụng nên liên hệ nhờ **T** làm thủ tục xin giao đất và chuyển mục đích sử dụng sang đất ở tại đô thị với diện tích 300m² trong thửa đất trên. **T** đồng ý, ngày 07/5/2020, hai bên lập Văn bản thỏa thuận kèm văn bản giao nhận tiền. Theo nội dung thỏa thuận, ông **P** sẽ giao cho bà **T** tổng số tiền 1.700.000.000 đồng để bà **T** thực hiện các thủ tục xin đo vẽ trích lục thửa đất, xin giao đất, chuyển mục đích sử dụng 300m² nêu trên tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Ngày 05/6/2020, hai bên tiếp tục lập Văn bản thỏa thuận về việc giao nhận tiền và giấy tờ để thực hiện thủ tục đất đai, trong đó có nêu bên B (**N**) giao trước cho bên A (**Nguyễn Thị Hoài T**) số tiền 500.000.000 đồng; sau ngày 05/6/2020, bên B giao tiếp cho bên A số tiền 800.000.000 đồng. **T** cam kết sẽ hoàn thành các thủ tục nêu trên sau 04 tháng kể từ ngày 05/6/2020, khi đó ông **P** sẽ giao số tiền còn lại cho **T**. **P** đã 02 lần giao tiền cho **T** theo hợp đồng với tổng số tiền 1.300.000.000 đồng (*một tỷ ba trăm triệu đồng*) và các giấy tờ liên quan để **T** làm thủ tục. Sau khi có bản trích đo địa chính thửa đất đã được Chi nhánh **Văn phòng Đ** thẩm định, **P** nhận về và giao lại cho **T** để **T** tiếp tục thực hiện các thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận và chuyển đổi mục đích sử dụng. Tuy nhiên, đã quá thời hạn cam kết nhưng **T** không làm thủ tục xin giao đất và

chuyển mục đích sử dụng sang đất ở tại đô thị với thửa đất trên, không trả tiền lại cho ông P mà chiếm đoạt số tiền 1.300.000.000 đồng.

- **Vụ thứ hai:** gia đình bà Đặng Thị D sở hữu thửa đất số 371 tờ bản đồ số 5 có diện tích 704m² thuộc thôn Q, Điện N, Đ. Năm 2019, Nguyễn Kim V (là con trai bà D) có tìm gặp Nguyễn Thị Hoài T để nhờ T lo các thủ tục để phân lô đổi với thửa đất này thành 08 lô đất nhỏ và lo thủ tục chuyển đổi mục đích 08 lô đất này sang đất ở. Sau khi T liên hệ Chi nhánh công ty cổ phần Đ1 bản đồ và K tại Quảng Nam đến đo đạc vẽ sơ đồ phân lô theo thứ tự từ 01 đến 08. Theo thỏa thuận, chi phí thực hiện do T chịu trách nhiệm, T sẽ được hưởng 05 lô theo thứ tự từ số 01 đến số E, gia đình V giữ lại 03 lô. Sau đó T nhận sổ đỏ thửa đất, giấy chứng minh nhân dân của gia đình V để đi làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chuyển đổi mục đích sang đất ở.

Biết được gia đình V có phân lô các thửa đất trên và nhờ Nguyễn Thị Hoài T lo thủ tục để chuyển mục đích sử dụng sang đất ở, Võ Thị X thỏa thuận với V mua 05 thửa đất theo vị trí từ số 01 đến 05. Sau đó Võ Thị X và Nguyễn Kim V, Đặng Thị D lập hợp đồng đặt cọc tiền để mua 05 lô đất, phía bà D, ông V đề nghị Võ Thị X giao thẳng tiền qua cho Nguyễn Thị Hoài T nhận vì T là người thực hiện việc lo thủ tục giấy tờ và 05 lô đất này T là người được sở hữu, nếu giao tiền cho bà D, ông V thì bà D và ông V cũng sẽ đưa lại cho T. Từ đó, sau mỗi lần ký hợp đồng đặt cọc để đảm bảo chuyển nhượng quyền sử dụng đất (giữa Võ Thị X với Đặng Thị D, Nguyễn Kim V vì trên giấy tờ thì hộ bà D là chủ sở hữu quyền sử dụng đất), Võ Thị X đã giao tiền cho Nguyễn Thị Hoài T theo yêu cầu của bà D và V. Tổng số tiền Võ Thị X giao cho Nguyễn Thị Hoài T là 2.610.000.000 đồng. Cụ thể:

+ Ngày 13/12/2019: sau khi ký hợp đồng đặt cọc, bà X giao tiền mặt 01(một) tỷ đồng cho Nguyễn Thị Hoài T trước Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn thị xã Đ;

+ Ngày 16/12/2019: sau khi ký hợp đồng đặt cọc, bà X giao tiền mặt tổng cộng 300.000.000 đồng tại ngân hàng V1;

+ Ngày 18/12/2019: sau khi ký hợp đồng đặt cọc, bà X giao tiền mặt 300.000.000 đồng tại ngân hàng V2 - Chi nhánh Đ2 và tại tiệm V3.

+ Ngày 30/3/2020: theo hợp đồng cọc thì bà X giao 1.210.000.000 đồng (một tỷ hai trăm mười triệu đồng). Tuy nhiên thực tế, bà X chỉ giao cho Nguyễn Thị Hoài T số tiền 1.010.000.000 đồng (một tỷ không trăm mười triệu đồng), còn giữ lại 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) là vì lúc đó V và T chưa làm đường bê tông đi vào khu đất, do vậy bà X giữ lại khi nào có đường bê tông thì sẽ giao đủ 200.000.000 đồng còn lại.

Tuy nhiên, **T** không thực hiện được các thoả thuận, chiếm đoạt số tiền này của bà **Võ Thị X**.

Xác minh tại **Văn phòng Đ**, **UBND xã C** và **Phòng TNMT thành phố H** xác định: Từ năm 2020, **Văn phòng Đ**, **UBND xã C** và **Phòng TNMT thành phố H** không tiếp nhận hồ sơ thẩm định đăng ký làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận, không có hồ sơ đăng ký nhu cầu chuyển đổi mục đích đất của hộ ông **Nguyễn T1**.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2025/HS-ST ngày 15/5/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam (nay là Tòa án nhân dân Tp. Đà Nẵng) quyết định:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thị Hoài T** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Hoài T** 10 (mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam ngày 28/02/2025.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và các Điều 585, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015; buộc bị cáo **Nguyễn Thị Hoài T** có nghĩa vụ bồi thường số tiền đã chiếm đoạt cho 02 bị hại, cụ thể như sau:

+ Bồi thường cho ông **Nguyễn P** số tiền 1.300.000.000 (một tỷ ba trăm triệu) đồng.

+ Bồi thường cho bà **Võ Thị X** số tiền 2.580.000.000 (hai tỷ năm trăm tám mươi triệu) đồng.

Tổng cộng số tiền bị cáo **Nguyễn Thị Hoài T** phải bồi thường là 3.880.000.000 (ba tỷ tám trăm tám mươi triệu) đồng.

- Buộc **Nguyễn Kim V** bồi thường cho bà **Võ Thị X** số tiền 28.000.000 (hai mươi tám triệu) đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và công bố quyền kháng cáo.

Ngày 29/5/2025 bà **Võ Thị X** có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị xem xét lại tư cách tham gia tố tụng của bà, từ đó xem xét hủy án sơ thẩm để xét xử lại, tuyên buộc các ông, bà **Nguyễn Kim V** và **Đặng Thị D** phạt cọc gấp đôi số tiền bà đã bỏ ra.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị xem xét lại tư cách tố tụng, bà X là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chứ không phải là bị hại trong vụ án này.

- Đại diện Viện công tố và xét xử phúc thẩm đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của bà X, huỷ phần trách nhiệm dân sự buộc bị cáo T phải bồi thường cho bà X số tiền 2.580.000.000đ. Bởi lẽ bà X nhận chuyển nhượng đất của bà D 05 thửa đất và lập hợp đồng đặt cọc rõ ràng. Tuy nhiên ông V con bà D yêu cầu bà X chuyển tiền qua cho bị cáo T để bị cáo T làm thủ tục tách thửa đất. Bà X nhận chuyển nhượng đất với bà D là quan hệ dân sự. Còn bà D, ông V mới là người bị hại vì bị cáo T không biết bà X, bị cáo T lừa bà D tách thửa để nhận 05 lô đất. Do đó cần xác định bị hại là bà D, ông V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị Hoài T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác, được thu thập có tại hồ sơ vụ án; do đó, có đủ cơ sở kết luận:

Nguyễn Thị Hoài T không làm trong cơ quan chức năng liên quan đến lĩnh vực quản lý đất đai, không được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hành nghề dịch vụ liên quan đến lĩnh vực đất đai nhưng đã đưa ra thông tin là có khả năng làm được thủ tục xin giao đất và chuyển mục đích sử dụng đất, từ đó ông Nguyễn P tin tưởng giao số tiền 1.300.000.000 đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng) để T làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở.

Bị cáo lừa bà D làm thủ tục tách thửa, chuyển mục đích sử dụng đất để được nhận 05 lô đất của bà D. Thông qua bà D và ông V, bị cáo đã nhận của bà Võ Thị X số tiền 2.610.000.000 đồng (hai tỷ sáu trăm mười triệu đồng) để T làm thủ tục tách thửa và chuyển mục đích sử dụng đất nhằm nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Sau khi nhận tiền, T không thực hiện được theo văn bản thỏa thuận, không làm hồ sơ gửi đến các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để lập thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tách thửa và chuyển đổi mục đích sang đất ở mà đã chiếm đoạt tổng cộng số tiền 3.910.000.000 đồng (ba tỷ chín trăm mười triệu đồng).

[2]. Xét tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, thấy: Quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật công nhận và bảo vệ, bất kỳ người nào có hành vi trái pháp luật xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác đều bị pháp luật trừng trị. Bị cáo thực hiện tội phạm do lỗi cố ý, thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng. Hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra không những trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản

của bị hại, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, tạo ra tâm lý bức xúc trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Vì vậy, cần phải có mức hình phạt nghiêm minh, để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3]. Xét kháng cáo của bà **Võ Thị X**, thấy:

Về xác định tư cách tham gia tố tụng:

+ Năm 2019, ông **Nguyễn Kim V** (là con trai bà **D**) có tìm gặp **Nguyễn Thị Hoài T** để nhờ **T** lo các thủ tục để phân lô đối với thửa đất số 371 tờ bản đồ số 5 có diện tích 704m² thuộc **thôn Q, Điện N**, Điện Bàn thành 08 lô đất nhỏ và lo thủ tục chuyển đổi mục đích 08 lô đất này sang đất ở. Sau khi **T** liên hệ Chi nhánh **công ty cổ phần Đ1** bản đồ và **K** tại Quảng Nam đến đo đạc vẽ sơ đồ phân lô theo thứ tự từ 01 đến 08 thì hai bên đã thỏa thuận, tất cả chi phí thực hiện do **T** chịu trách nhiệm, **T** sẽ được hưởng 05 lô (theo thứ tự từ số 01 đến số 05), gia đình ông **V** giữ lại 03 lô. Sau đó **T** nhận sổ đỏ thửa đất, giấy chứng minh nhân dân của gia đình ông **V** để đi làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chuyển đổi mục đích sang đất ở.

+ Khi biết được gia đình ông **V** có phân lô các thửa đất trên và nhờ **Nguyễn Thị Hoài T** lo thủ tục để chuyển mục đích sử dụng sang đất ở, bà **Võ Thị X** thỏa thuận với ông **V** mua 05 thửa đất theo vị trí từ số 01 đến 05. Sau đó bà **Võ Thị X** và ông **Nguyễn Kim V**, bà **Đặng Thị D** lập hợp đồng đặt cọc tiền để mua 05 lô đất đồng thời đề nghị rõ là bà **X** giao thẳng tiền qua cho **Nguyễn Thị Hoài T** nhận vì **T** là người thực hiện việc lo thủ tục giấy tờ và 05 lô đất trên.

+ Do tin tưởng bà **D** ông **V** nên sau mỗi lần ký hợp đồng đặt cọc để đảm bảo chuyển nhượng quyền sử dụng đất (giữa bà **Võ Thị X** với bà **Đặng Thị D**, ông **Nguyễn Kim V**) nên khi ông **V** yêu cầu bà **Võ Thị X** giao tiền trực tiếp cho **Nguyễn Thị Hoài T** thì bà **X** giao tiền theo yêu cầu của **V**. Tổng số tiền bà **Võ Thị X** giao cho **Nguyễn Thị Hoài T** là 2.610.000.000 đồng. Như vậy việc bà **X** chuyển tiền cho bị cáo **T** là bà **X** làm theo yêu cầu của ông **V**, bà **D** chứ giữa bị cáo **T** và bà **X** không quen biết nhau, không có quan hệ gì với nhau nên không thể quy kết bị cáo **T** lừa bà **X** được như cấp sơ thẩm nhận định. Việc bà **X** giao tiền đặt cọc chuyển nhượng đất với bà **D**, ông **V** là quan hệ dân sự.

Việc bà **D**, ông **V** nhờ bị cáo **T** làm thủ tục tách thửa, chuyển mục đích sử dụng đất rồi cho bị cáo **T** được hưởng 05 lô, bà **D**, ông **V** được hưởng 03 lô đất thì bà **X** không biết.

Do đó, các Cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm xác định bà **Võ Thị X** là bị hại trong vụ án này không có căn cứ, xác định sai tư cách tham gia tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền và ích hợp pháp của đương sự.

Trong trường hợp này phải xác định bà **D**, ông **V** là người bị hại, nên cần phải tiến hành trưng cầu giám định và định giá tài sản 05 lô đất mà bị cáo Thanh lưà của bà **D**, ông **V** xác định giá trị của lô đất là bao nhiêu tiền mới có căn cứ xác định số tiền bị cáo **T** lưà bà **D** và ông **V**.

Tại phiên Toà bị cáo **T** khai có đưa cho ông **Hoàng Đức H** - Trưởng Văn phòng đo đạc bản đồ số tiền 1.200.000.000đ để nhờ ông **H** làm các thủ tục tách thửa, chuyển mục đích sử dụng đất nhưng khi bị cáo bị bắt trong vụ án khác thì ông **H** không làm nên ông **P**, bà **X** mới viết đơn tố cáo bị cáo **T**.

Trong hồ sơ vụ án, các tài liệu thu thập được từ dữ liệu điện tử zalo giữa bị cáo **T** và ông **H** tại các bút lục 312, 316, 323, 344, 345, 353, 358, 381 thể hiện bị cáo **T** có nhờ ông **H** và ông **H** có nhận tiền của bị cáo **T** để nhờ Văn phòng đăng ký đất đai làm các thủ tục theo yêu cầu của bị cáo **T**, tuy nhiên cấp sơ thẩm chưa làm rõ, có dấu hiệu bỏ lọt đồng phạm.

Như đã phân tích ở trên, trong vụ án này mặc dù bị cáo **T** không có kháng cáo về phần hình phạt, tuy nhiên HĐXX cấp phúc thẩm xét thấy cấp sơ thẩm không những vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng mà còn có sai sót về đường lối giải quyết vụ án, có dấu hiệu bỏ lọt đồng phạm nên cần phải huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra xét xử lại theo đúng quy định của pháp luật.

Do được chấp nhận kháng cáo nên bà **Võ Thị X** không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 355; điểm a, b khoản 1 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự;

1. Chấp nhận kháng cáo của bị hại **Võ Thị X**, huỷ Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2025/HS-ST ngày 14/5/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam (nay là Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng).

2. Chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng để điều tra, xét xử lại theo quy định của pháp luật.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao - Vụ GDKT I;
- Viện CT&KSXX PT tại Đà Nẵng;
- TAND Tp. Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp Tp. Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT-Công an Tp. Đà Nẵng;
- Cơ quan THAHS-Công an Tp. Đà Nẵng;
- Phòng HSNV-Công an Tp. Đà Nẵng;
- THADS Tp. Đà Nẵng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Anh Dũng

- Trại tạm giam số 2 Công an Tp. Đà Nẵng;
- Bị cáo (qua Trại tạm giam);
- Những người tham gia tố tụng (theo địa chỉ);
- Lưu HSVA, Phòng HCTP, LT.